

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÓA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/DS-ST

Ngày: 31 - 5 - 2018

V/v “t/c hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Trường Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hồng Xuân.

2. Bà Châu Thị Khấp.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 31/5/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 174/2017/TLST - DS ngày 31/10/2017 về T chấp “hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 25/2018/QĐXX-ST ngày 18/4/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà P K B, sinh năm 1958.

Địa chỉ: ấp 4, xã Tân Hiệp, huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

2. Bị đơn:

- Ông Trần Văn T, sinh năm 1972.

- Bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: ấp 3, xã Tân Hiệp, huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn T, sinh năm 1963.

Địa chỉ: ấp 3, xã Tân Hiệp, huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

(bà B có mặt; ông T có yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt; ông T và bà C vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện cũng như lời trình bày tại Tòa án nguyên đơn bà P K B trình bày yêu cầu khởi kiện: Ngày 18/4/2017 bà B cho ông Trần Văn T và

bà Huỳnh Thị C là vợ chồng vay 230.000.000đ, thời hạn vay 01 tuần, không tính lãi. Đến ngày 21/4/2017 ông T và bà C trả cho bà B 120.000.000đ, còn nợ lại bà B 110.000.000đ mặc dù đã được bà B đòi nhiều lần nhưng ông T và bà C không trả số tiền trên cho bà B. Do đó, bà B khởi kiện yêu cầu ông T và bà C trả số tiền 110.000.000đ, không yêu cầu tính lãi. Bà B không yêu cầu ông Trần Văn T liên đới cùng ông T và bà C trả số tiền 110.000.000đ vì ông T không vay tiền của bà B. Trong quá trình giải quyết vụ án bà B cung cấp giấy mượn tiền ngày 18/4/2017.

- *Bị đơn Trần Văn T và Huỳnh Thị C* được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu của nguyên đơn. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt ông T và bà C theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

- *Tại đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 11/5/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T trình bày:* Việc ông T và bà C vay tiền của bà B không liên quan gì tới ông T, ông T không vay tiền của bà B cũng không vay của ông T và bà C. Ông T không nhờ ông T và bà C vay tiền của bà B thay cho ông T, tại giấy mượn tiền ngày 18/4/2017 có ghi ông T vay tiền của bà B là vay cho ông T là do ông T tự ghi không liên quan gì tới ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả T luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Xét quan hệ T chấp là T chấp là hợp đồng vay tài sản chịu sự điều chỉnh của Bộ luật dân sự nên theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa.

[2] *Về việc giải quyết vắng mặt bị đơn Trần Văn T, Huỳnh Thị C:* Ông T và bà C được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án T hành xét xử vắng mặt ông T và bà C.

[3] *Về việc giải quyết vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn T:* Ông T có yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án T hành xét xử vắng mặt ông T.

[4] *Về nội dung yêu cầu khởi kiện của bà P K B:* Bà B cho ông T và bà C vay 230.000.000đ nhưng ông T và bà C đã trả cho bà B 120.000.000đ. Do đó, bà B yêu cầu ông Trần Văn T và bà Huỳnh Thị C trả 110.000.000đ tiền gốc, không yêu cầu tính lãi. Bà B cung cấp “giấy mượn tiền” ngày 18/4/2017 có nội dung ông T vay số tiền 230.000.000đ của bà B cho ông Trần Văn T do ông Trần Văn

T và bà Huỳnh Thị C ký và ghi họ tên phía dưới người vay tiền. Bà B và ông T khai thống nhất là bà B chỉ cho ông T và bà C vay, không liên quan gì tới ông T và ông T cũng không nhờ ông T và bà C bảo lãnh hay vay giúp ông T từ bà B. Bị đơn Trần Văn T và Huỳnh Thị C không có ý kiến hay văn bản nào phản đối yêu cầu của bà B và ý kiến của ông T nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì việc ông T và bà C còn nợ bà B 110.000.000đ là hoàn toàn có căn cứ.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P K B đối với ông Trần Văn T và bà Huỳnh Thị C.

[5] Về quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2018/QĐ-BPKCTT ngày 28/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa được xử lý khi có căn cứ theo quy định tại Điều 138 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về án phí: Ông Trần Văn T và bà Huỳnh Thị C phải liên đới chịu 5% x 110.000.000đ = 5.500.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Bà P K B không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà B 2.750.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003787 ngày 30/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hóa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466 Điều 357 và Điều 288 của Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P K B đối với ông Trần Văn T và bà Huỳnh Thị C.

Buộc ông Trần Văn T và bà Huỳnh Thị C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà P K B số tiền 110.000.000đ phát sinh từ hợp đồng vay tài sản.

Trường hợp ông Trần Văn T và bà Huỳnh Thị C chậm trả thì ông T và bà C còn phải liên đới trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2018/QĐ-BPKCTT ngày 28/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa được xử lý khi có căn cứ theo quy định tại Điều 138 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về án phí: Ông Trần Văn T và bà Huỳnh Thị C phải liên đới chịu 5.500.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Bà P K B không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà B 2.750.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003787 ngày 30/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hóa.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn Trần Văn T, Huỳnh Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn T vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Phùng Trường Thọ